

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 05-02-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Hoàng Khương
2. Ông Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ngọc Đ**, sinh năm 2005 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 3, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 cùng thống nhất xác định những nội dung được thể hiện tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai, cụ thể:*

Bà Lê Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không thể khắc phục được.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Bảo B, sinh ngày 20/12/2021.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 thống nhất thỏa thuận:

1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn nhau, nhưng do ông bà từ trước đến nay chưa đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan chuyên môn nào cấp giấy chứng nhận kết hôn nên không thể ghi nhận;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lê Bảo B, sinh ngày 20/12/2021 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ1 không cấp dưỡng nuôi con cùng bà Đ sau khi vợ chồng ly hôn;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên và xác định hiện có nghề nghiệp ổn định từ việc làm nail, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 10.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Đ với ông Nguyễn Văn Đ1 chung sống với nhau từ năm 2021, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ

khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Đ và cho đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà Đ có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Hai bên đương sự cùng nhau thống nhất xác định và tự thỏa thuận, sau khi ly hôn giao con chung tên Lê Bảo B, sinh ngày 20/12/2021 cho bà Đ trực tiếp nuôi, ông Đ1 không cấp dưỡng nuôi con cùng bà Đ sau khi vợ chồng ly hôn. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

Việc bà Đ không yêu cầu ông Đ1 cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa bà Đ xác định có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, ông Đ1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà Đ sau khi vợ chồng ly hôn.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ1 cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ngọc Đ với ông Nguyễn Văn Đ1.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Ngọc Đ với ông Nguyễn Văn Đ1, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Lê Bảo B, sinh ngày 20/12/2021 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ1 không cấp dưỡng nuôi con cùng bà Đ sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà Đ phải chịu **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002371 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh